

Bản án số: 02/2024/HS-PT
Ngày 16 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Ông Trần Trung Thành và bà Từ Thị Hải Dương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 123/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023, do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Văn T**, sinh ngày 02/02/1996 tại Hải Dương. Nơi cư trú: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Đào Thị N; có vợ Vương Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án này còn có người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T hợp đồng lái xe cho Công ty TNHH dịch vụ vận tải T. Vào ngày 01/7/2023, T điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 34C-248.49 kéo theo Sơ mi rơ móc 34R-024.39, chở hàng hóa là gạch men sang Lào. Đến ngày 02/7/2023, khi đang ăn tại quán cơm ở Lào, T gặp một người đàn ông lạ mặt giới thiệu tên Tuấn Anh và thuê T vận chuyển gỗ Trắc không có giấy tờ hợp pháp từ Lào về huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, Việt Nam với giá 30.000.000 đồng (trả tiền công vận chuyển khi nhận

hàng), T đồng ý. Ngày 03/7/2023, T điều khiển xe ô tô đến cơ sở sửa chữa hàn chế thêm vách ngăn phân đầu phía trong container để cất giấu gỗ. Đến ngày 04/7/2023, người tên Tuấn Anh gọi điện qua zalo cho T hướng dẫn vị trí bốc gỗ. T điều khiển xe đến nơi thì có người chờ sẵn và bốc gỗ lên xe. Đồng thời, trong ngày 04/7/2023, T gặp và mua của một người phụ nữ Lào không quen biết 13 thùng pháo không có giấy tờ hợp pháp với giá 18.000.000 Kíp Lào nhằm đưa về Việt Nam để sử dụng và bán kiếm lời.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 05/7/2023, T điều khiển xe ô tô từ Lào về Việt Nam làm thủ tục nhập cảnh tại Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, xã D, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Khi lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện trong thùng inox dưới gầm sơ mi rơ móc xe ô tô T điều khiển cất giấu 13 thùng carton, trong đó có 10 thùng carton chứa 240 khối hình hộp, mỗi khối có kích thước (14cm x 14cm x 0,5cm) có một dây ngòi nổi từ trong ra ngoài, vỏ bằng giấy nhiều màu sắc, in chữ nước ngoài, hình pháo hoa, nhãn hiệu “DM”, mã ký hiệu “A8410” bên trong mỗi khối có 36 ống hình trụ tròn liên kết với nhau bằng dây ngòi, tổng khối lượng 269,8 kg; 02 thùng carton chứa 580 vật hình cầu gắn liền khối hình trụ được gắn dây ngòi màu xanh, tổng khối lượng 22,4kg; 01 thùng carton chứa 99 vật hình cầu có nhiều màu sắc, trên mỗi vật có gắn một đoạn dây ngòi màu xanh, tổng khối lượng 0,44kg. Tiếp tục kiểm tra phát hiện trong bình dầu phụ phía dưới đầu kéo và phân đầu container có chế vách ngăn cất giấu 2,553m³ gỗ: gồm 42 lóng gỗ tròn, đường kính < 30 cm, tổng khối lượng: 2,283m³ và 33 que gỗ lóc lõi, tận dụng, rộng < 30cm, tổng trọng lượng 270kg, tương đương 0,27m³. Tổ công tác T hành lập biên bản làm việc, tạm giữ tang vật và niêm phong theo thủ tục hành chính.

Ngày 06/7/2023, Chi cục Hải quan Cha Lo lập Hội đồng xác định chủng loại, khối lượng gỗ có sự tham gia của Giám định viên tư pháp theo vụ việc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, kết luận: 75 (lóng + que) gỗ thu giữ đồng nhất một chủng loại gỗ. Sau đó, tiến hành chọn ngẫu nhiên trích 05 mẫu, niêm phong gửi trưng cầu giám định.

Kết quả giám định số 399/CNR-VP ngày 10/7/2023 của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam kết luận: 05 mẫu gỗ đồng nhất một chủng loại gỗ Trắc, được xếp trong phụ lục II tại “Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)” ban hành kèm theo Thông báo số 25/TB-CTVN ngày 17/2/2023 của Cơ quan có thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Và được xếp nhóm IIA trong “Danh mục thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm” ban hành kèm theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Thực thi Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Tại Kết luận định giá số 20/KL-HĐĐGTS ngày 11/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Minh Hóa kết luận: Gỗ Trắc tròn, đường kính

<30cm, số lượng 42 lóng, khối lượng 2,283m³ trị giá 114.115.000 đồng; gỗ Trắc lóc lõi, tận dụng, rộng <30cm, số lượng 33 que, khối lượng 0,270 m³ trị giá 10.800.000 đồng, tổng trị giá 124.950.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 757/KL-KTHS ngày 06/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu A1 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 269,8kg (Hai trăm sáu mươi chín phẩy tám ki lô gam). Mẫu cần giám định ký hiệu A2 là pháo nổ (loại pháo hoa nổ), khối lượng 22,4kg (Hai mươi hai phẩy bốn ki lô gam). Mẫu cần giám định ký hiệu A3 là pháo nổ, khối lượng 0,44kg (không phẩy bốn mươi bốn ki lô gam). Tổng khối lượng các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 và A3 là 292,64kg (Hai trăm chín mươi hai phẩy sáu mươi bốn ki lô gam).

Các vật chứng trong vụ án gồm:

1. Gỗ Trắc: Tổng khối lượng 2,548m³, bao gồm: 42 Lóng gỗ tròn (gỗ đã được bỏ phần gỗ dác), đường kính < 30cm, được đánh số từ 01 đến 42; 33 Que gỗ lóc lõi, tận dụng, rộng <30cm (gỗ có hình thù phức tạp), được đánh số 43 chung cho toàn bộ 33 que.

2. 13 thùng carton, dán kín, được niêm phong bằng giấy niêm phong có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình và chữ ký của những người tham gia niêm phong. Trong đó gồm: 230 khối hình hộp, tổng khối lượng 258,6kg; 530 vật hình cầu gắn liền khối hình trụ, tổng khối lượng 22kg; 81 vật hình cầu, tổng khối lượng 0,36kg.

3. 01 Xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 34C - 248.49, nhãn hiệu INTERNATIONAL, màu đỏ.

4. 01 Sơ mi rơ móc, biển kiểm soát 34R-024.39, nhãn hiệu THACO, màu sơn vàng.

5. 01 Container, rỗng, đã qua sử dụng, số ký hiệu APHU4592706.

6. 01 Hộ chiếu số P01420216, cấp ngày 17/02/2023, nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh.

7. 01 Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào số HP22.1341, cấp ngày 05/8/2022, nơi cấp: Sở GTVT thành phố Hải Phòng.

8. 01 Giấy phép liên vận Việt Nam và Lào số HP22.1342, cấp ngày 05/8/2022, nơi cấp: Sở GTVT thành phố Hải Phòng.

9. 01 Căn cước công dân số 030096003618, cấp ngày 28/8/2022, nơi cấp Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

10. 01 Giấy phép lái xe số 310170015967, cấp ngày 25/1/2021, nơi cấp: Sở giao thông vận tải thành phố Hải Phòng.

11. 01 thẻ ngân hàng MB, mang tên Phạm Văn T.

12. 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 12 Pro, đã sử dụng, đã được niêm phong.

13. 01 Điện thoại di động, nhãn hiệu APPLE, loại Iphone 14ProMax, số máy MQ9T3VN/A, số IMEL: 353266545730061, đã qua sử dụng.

14. 01 chìa khóa xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 34C-248.49.

15. Giấy biên nhận thế chấp, tài sản thế chấp: chiếc xe đầu kéo, biển kiểm soát 34C-248.49, nhãn hiệu INTERNATIONAL, màu đỏ.

16. Giấy biên nhận thế chấp, tài sản thế chấp: chiếc Sơ mi rơ móc tải, biển kiểm soát 34R-024.39, nhãn hiệu THACO, màu sơn vàng.

17. 05 mẫu gỗ được cho vào phong bì giấy và được đóng dấu giáp lai của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng. Gồm:

Mẫu 1: chiều dày 2 cm, đường kính 12 cm.

Mẫu 2: chiều dày 2cm, đường kính 7cm.

Mẫu 3: chiều dày 2cm, đường kính 9cm.

Mẫu 4: chiều dày 2cm, đường kính 12cm.

Mẫu 5: chiều dày 2cm, đường kính 9cm.

18. 05 mẫu gỗ được đóng chung trong một hộp giấy carton còn nguyên vẹn, bên ngoài hộp giấy carton được dán kín toàn bộ hộp bằng băng keo và mép hộp được dán niêm phong Hải quan (loại niêm phong giấy) có số ký hiệu sau: AA/13- 530135; AA/13-530133; AA/13-530132; AA/13-530379. Gồm: 01 mẫu gỗ dạng khúc, chiều dài 3cm, đường kính 12cm; 01 mẫu gỗ dạng khúc, chiều dài 3cm, đường kính 7cm; 01 mẫu gỗ dạng khúc, chiều dài 3cm, đường kính 09 cm; 01 mẫu gỗ dạng khúc, chiều dài 3cm, đường kính 12cm; 01 mẫu gỗ dạng khúc, chiều dài 03cm, đường kính 9cm.

Số vật chứng tại mục (3), (4), (5), (7), (8), (14), (15), (16) được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Minh Hóa trả lại cho Công ty TNHH dịch vụ vận tải T. Số vật chứng còn lại tại các mục (1), (2), (6), (9), (10), (11), (12), (13), (17), (18) hiện đang được bảo quản để xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của Công ty TNHH dịch vụ vận tải T không có yêu cầu gì về phân trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKSMH ngày 06/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện M quyết định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự và tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới” theo khoản 1 Điều 189 Bộ luật hình sự

Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện M đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 08 (tám) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và hình phạt 03 (ba) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 18/7/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2023 bị cáo Phạm Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Văn T khai và thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo cho rằng án sơ thẩm xử phạt quá nặng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, làm ăn lương thiện nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người T hành tố tụng và bị cáo đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về xem xét kháng cáo của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự và các Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Văn T về tội “Buôn bán hàng cấm” với mức giảm từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn T đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát và Bản án sơ thẩm đã nhận xét. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định, bị cáo Phạm Văn T bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05/7/2023 Phạm Văn T điều khiển xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 34C-248.49 kéo theo Sơ mi rơ moóc 34R-024.39, vận chuyển thuê 2,553m³ gỗ Trắc trị giá 124.950.000 đồng không có giấy tờ hợp pháp từ Lào về Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Cha Lo đồng thời trên xe T còn vận chuyển 292,64 kg pháo nổ từ Lào đưa về Việt Nam để sử dụng và bán kiếm lời. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, xâm hại đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh, lưu thông các loại hàng hoá bị cấm, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội và hoạt động quản lý kinh tế nói chung. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức được hành vi đó của mình là trái pháp luật nhưng do căm đồ lợi ích vật chất nên bị cáo vẫn bất chấp thực hiện.

Về xem xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy rằng, với tính chất hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá, phân tích đầy đủ các tình tiết để xử phạt bị cáo với mức án 08 năm tù đối với tội “Buôn bán hàng cấm” và 03 tháng tù đối với tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới” là phù hợp. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm; có công đóng góp cho địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19; đang nuôi con bị tàn tật, thì trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo xuất trình Đơn xin xác nhận có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương về việc bị cáo Phạm Văn T vào năm 2015 đã cứu anh Trần Văn Đại là người cầm đuốc bám sinh thoát khỏi tai nạn tàu hoả trên địa bàn, vì vậy, cần xem đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, qua đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm tạo điều kiện để bị cáo sớm hoàn thành việc học tập, cải tạo, trở lại là công dân lương thiện, lao động, giúp đỡ gia đình, vợ, con.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 26/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình như sau:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Buôn bán hàng cấm” và tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; Điều 38; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự: phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Áp dụng khoản 1 Điều 189; Điều 38; các điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: phạt bị cáo Phạm Văn T 03 (ba) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm” và hình phạt 03 (ba) tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới”, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 18/7/2023.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Văn T với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/01/2024)

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Quảng Bình;
- CQĐT, VKSND, TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Quảng Bình;
- CQĐT; VKS; TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Vụ GDKT 1 TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Diệu

